**THUYẾT MINH   
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài** | | | | **1a** | **Mã số** |
|  | ***...*** | | | |  | |
| **2** | **Thời gian thực hiện:** ............ tháng | | | | | |
|  | (Từ tháng ....../20...... đến tháng ....../20......) | | | | | |
| **3** | **Tổng kinh phí thực hiện: ........................... triệu đồng, trong đó:** | | | | | |
|  | **Nguồn** | | **Kinh phí** *(triệu đồng)* | | | |
|  | - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học | | ... | | | |
|  | - Từ nguồn tự có của tổ chức | | ... | | | |
|  | - Từ nguồn khác | | ... | | | |
| **4** | **Phương thức khoán chi** | | | | | |
|  | Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng | | Khoán chi từng phần, trong đó: | | | |
|  |  | | - Kinh phí khoán: triệu đồng | | | |
|  |  | | - Kinh phí không khoán: triệu đồng | | | |
| **5** | Thuộc Chương trình *(Ghi rõ tên chương trình, nếu có)*  Thuộc Dự án KHCN *(Ghi rõ tên chương trình, nếu có)*  Khác | | | | | |
|  |
| **6** | **Chủ nhiệm đề tài** | | | | | |
|  | Họ và tên:  Ngày, tháng, năm sinh: ....../....../...... Giới tính: Nam  Nữ  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:  Chức danh khoa học:  Chức vụ:  Điện thoại: E-mail:  Tên tổ chức đang công tác:  Địa chỉ tổ chức: | | | | | |
| **7** | **Thư ký khoa học** | | | | | |
|  | Họ và tên:  Ngày, tháng, năm sinh: ....../....../...... Giới tính: Nam  Nữ  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:  Chức danh khoa học:  Chức vụ:  Điện thoại: E-mail:  Tên tổ chức đang công tác:  Địa chỉ tổ chức: | | | | | |
| **8** | **Tổ chức chủ trì đề tài** | | | | | |
|  | Tên tổ chức chủ trì đề tài:  Điện thoại: Fax:  Website:  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng tổ chức:  Số tài khoản:  Tại kho bạc nhà nước/Ngân hàng:  Tên cơ quan chủ quản: | | | | | |
| **9** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** *(nếu có)* | | | | | |
|  | **1. Tổ chức 1:**  Tên cơ quan chủ quản:  Điện thoại: Fax:  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng tổ chức:  **2. Tổ chức 2:**  Tên cơ quan chủ quản:  Điện thoại: Fax:  Địa chỉ:  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: | | | | | |
| **10** | **Các cán bộ thực hiện đề tài** | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | |
| **TT** | **Họ và tên,  học hàm học vị** | **Chức danh thực hiện đề tài[[1]](#footnote-1)** | | **Tổ chức công tác** | | |
| 1 |  |  | |  | | |
| 2 |  |  | |  | | |
| 3 |  |  | |  | | |
| 4 |  |  | |  | | |
| 5 |  |  | |  | | |
| 6 |  |  | |  | | |
| 7 |  |  | |  | | |
| 8 |  |  | |  | | |
| 9 |  |  | |  | | |
| 10 |  |  | |  | | |
| ... |  |  | |  | | |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11** | **Mục tiêu của đề tài** *(Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | |
| **12** | **Tình trạng đề tài** | | | | | | | | | | | |
|  | Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp hướng nghiên cứu của người khác | | | | | | | | | | | |
| **13** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài** | | | | | | | | | | | |
| ***13.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***  **Ngoài nước** *(Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan với những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)* | | | | | | | | | | | | |
| **Trong nước** *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ tên đề tài, tên chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)* | | | | | | | | | | | | |
| ***13.2. Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài***  *(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)* | | | | | | | | | | | | |
| **14** | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan** | | | | | | | | | | | |
| *(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)* | | | | | | | | | | | | |
| **15** | **Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện** | | | | | | | | | | | |
| *(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu; trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)*  **Nội dung 1:**  Công việc 1:  Công việc 2:    Công việc n:  **Nội dung 2:**  Công việc 1:  Công việc 2:    Công việc n:    **Nội dung n:**  Công việc 1:  Công việc 2:    Công việc n: | | | | | | | | | | | | |
| **16** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** | | | | | | | | | | | |
| *(Luận cứ tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)*  ***Cách tiếp cận:***    ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:***    ***Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:*** | | | | | | | | | | | | |
| **17** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước** | | | | | | | | | | | |
| *(Trình bày phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có)* | | | | | | | | | | | | |
| **18** | **Phương án hợp tác quốc tế** *(nếu có)* | | | | | | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)* | | | | | | | | | | | | |
| **19** | **Phương án thuê chuyên gia** *(nếu có)* | | | | | | | | | | | |
|  | **1. Thuê chuyên gia trong nước** | | | | | | | | | | | |
| TT | Họ và tên, học hàm, học vị | | Tên tổ chức đang công tác | | | Nội dung thực hiện | | | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) | | |
| 1 |  | |  | | |  | | |  | | |
| 2 |  | |  | | |  | | |  | | |
| **2. Thuê chuyên gia nước ngoài** | | | | | | | | | | | |
| TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Quốc tịc | | | Tên tổ chức đang công tác | | Nội dung thực hiện | | | Thời gian thực hiện quy đổi (tháng) | |
| 1 |  |  | | |  | |  | | |  | |
| 2 |  |  | | |  | |  | | |  | |
| **20** | **Tiến độ thực hiện** | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Nội dung, công việc** | | | | Kết quả phải đạt | | | Thời gian (bắt đầu ÷ kết thúc | Cá nhân,  tổ chức thực hiện[[2]](#footnote-2) | | | Dự kiến kinh phí |
| *(1)* | *(2)* | | | | *(3)* | | | *(4)* | *(5)* | | | *(6)* |
| **1** | **Nội dung 1: ...** | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | Công việc 1: ... | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | Công việc 2: ... | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | ...... | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | Công việc n: ... | | | |  | | |  |  | | |  |
| **2** | **Nội dung 2: ...** | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | Công việc 1: ... | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | ...... | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | Công việc n: ... | | | |  | | |  |  | | |  |
| **...** | **...** | | | |  | | |  |  | | |  |
| **n** | **Nội dung n: ...** | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | Công việc 1: ... | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | ...... | | | |  | | |  |  | | |  |
|  | Công việc n: ... | | | |  | | |  |  | | |  |

**III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | **Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | | | | | | | | | |
| **Dạng I:** Công bố khoa học (Bài báo; sách chuyên khảo và các sản phẩm khác). | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | **Dự kiến nơi công bố** (Tạp chí, nhà xuất bản) | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | | *(3)* | | | | | | *(4)* | | | *(5)* |
|  |  | |  | | | | | |  | | |  |
|  |  | |  | | | | | |  | | |  |
| **Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy chuẩn; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác. | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | | | | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | | | | | *(3)* | | | | | | *(4)* |
|  |  | | | | |  | | | | | |  |
|  |  | | | | |  | | | | | |  |
| **Dạng III:** Mẫu *(model, maket)*; sản phẩm *(là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường)*; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các loại khác. | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | | | | **Đơn vị đo** | | **Mức chất lượng** | | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** | |
| **Cần đạt** | **Mẫu tương tự**  (theo các tiêu chuẩn mới nhất) | | |
| **Trong nước** | | **Thế giới** |
| *(1)* | *(2)* | | | | *(3)* | | *(4)* | *(5)* | | *(6)* | *(7)* | |
|  |  | | | |  | |  |  | |  |  | |
|  |  | | | |  | |  |  | |  |  | |
| **Dạng IV:** Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng. | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | | | | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | | | | | *(3)* | | | | | | *(4)* |
|  |  | | | | |  | | | | | |  |
|  |  | | | | |  | | | | | |  |
| **21.1. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học** | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Cấp đào tạo** | **Số lượng** | | **Chuyên ngành đào tạo** | | | | | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | | *(4)* | | | | | | | | *(5)* |
|  | Thạc sĩ |  | |  | | | | | | | |  |
|  | Tiến sĩ |  | |  | | | | | | | |  |
| **21.2. Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng I & II) so với các sản phẩm tương tự hiện có** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)* | | | | | | | | | | | | |
| **21.3. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng III) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)* | | | | | | | | | | | | |
| **22** | **Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu** | | | | | | | | | | | |
| **22.1. Khả năng về thị trường** *(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)*      **22.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh** *(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*      **22.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu**      **22.4. Mô tả phương thức chuyển giao**  *(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra…)* | | | | | | | | | | | | |
| **23** | **Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài** | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | |
| **24** | **Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu** | | | | | | | | | | | |
| **24.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan** *(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)*      **24.2. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu**      **24.3. Đối với kinh tế - xã hội với môi trường** *(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội với môi trường)* | | | | | | | | | | | | |

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **25** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | |
| **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | |
| **Trả công lao động trực tiếp + chuyên gia** (nếu có) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Chi khác** |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Ngân sách nhà nước*** |  |  |  |  |  |
| a | Kinh phí khoán chi |  |  |  |  |  |
| - | Năm thứ nhất |  |  |  |  |  |
| - | Năm thứ hai |  |  |  |  |  |
| - | Năm thứ ba |  |  |  |  |  |
| b | Kinh phí không khoán chi |  |  |  |  |  |
| - | Năm thứ nhất |  |  |  |  |  |
| - | Năm thứ hai |  |  |  |  |  |
| - | Năm thứ ba |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Ngoài ngân sách nhà nước*** |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ............., ngày ...... tháng ...... năm 20...  **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | ............., ngày ...... tháng ...... năm 20...  **CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  |  |
| ............., ngày ...... tháng ...... năm 20...  **TL. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG[[3]](#footnote-3)**  **ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | |

**DANH SÁCH CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

| **TT** | **Họ và tên,  học hàm học vị** | **Đơn vị công tác** | **Chức danh thực hiện đề tài[[4]](#footnote-4)** | **Tổng thời gian thực hiện quy đổi** (tháng) |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nguyễn Văn A | Viện Nghiên cứu B | Thực hiện chính | ... |
| Thực hiện | ... |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Phụ lục**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| Tổng số | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3=4+12* | *4=6+8+10* | *5=7+9+11* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12=13+14+15* | *13* | *14* | *15* |
| 1 | Trả công lao động trực tiếp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Nội dung 1: ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Nội dung 2: ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Nội dung n: ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thuê chuyên gia |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Trong nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Nước ngoài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Nguyên,vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Thiết bị, máy móc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1a. Công lao động trực tiếp**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung công việc[[5]](#footnote-5)** | **Hệ số lao động khoa học[[6]](#footnote-6)** | **Số người trong nhóm chức danh** | **Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)[[7]](#footnote-7)** | **Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh[[8]](#footnote-8)** | **Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài NSNN** | | | |
| Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7=3×5×6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **I** | **Nội dung nghiên cứu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Nội dung 1: ...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.1*** | ***Công việc 1: ...*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Thành viên chính: *(ghi rõ họ tên)*[[9]](#footnote-9) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Thành viên: *(ghi rõ họ tên)*[[10]](#footnote-10) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ: *(ghi rõ họ tên)[[11]](#footnote-11)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.2*** | ***Công việc 2: ...*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2: ...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ:**  (TLCN = 1,0 x DMCN x 20% x T) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Thù lao của thư ký khoa học:**  (TLTK = 0,3 x DMCN x 20% x T) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG (I+II+III)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 1b. Thuê chuyên gia[[12]](#footnote-12)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Tên tổ chức đang công tác** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)** | **Mức lương tháng theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài NSNN** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **I** | **Chuyên gia trong nước** | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Chuyên gia nước ngoài** | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài NSNN** | | | |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
| 1 | Nguyên, vật liệu[[13]](#footnote-13) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Năng lượng, nhiên liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *-* | *Than* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *-* | *Điện* | *kWh* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *-* | *Xăng, dầu* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *-* | *Nhiên liệu khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Mua sách, tài liệu, số liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài NSNN** | | | |
| Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **I** | **Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài[[14]](#footnote-14)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *...* | *...* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị, công nghệ mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Khấu hao thiết bị** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Thuê thiết bị** *(ghi tên thiết bị, thời gian thuê)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | **Vận chuyển lắp đặt** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 4. Chi khác**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **1** | **Công tác trong nước[[15]](#footnote-15)** (địa điểm, thời gian, số lượt người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Hợp tác quốc tế** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Kinh phí quản lý** (của cơ quan chủ trì) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Hội thảo[[16]](#footnote-16) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Phô tô, in ấn, VPP,... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| c | Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| d | Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. [↑](#footnote-ref-1)
2. Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10 [↑](#footnote-ref-2)
3. Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. [↑](#footnote-ref-4)
5. Phù hợp với nội dung nêu tại mục 15 của Thuyết minh. [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. [↑](#footnote-ref-7)
8. Theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. [↑](#footnote-ref-8)
9. Thành viên chính phải là cán bộ có tên tại mục 10 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại mục 15 của thuyết minh. [↑](#footnote-ref-9)
10. Thành viên phải là các cán bộ có tên trong danh sách gửi kèm Thuyết minh và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại mục 15 của thuyết minh. [↑](#footnote-ref-10)
11. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ phải là các cán bộ có tên trong danh sách gửi kèm Thuyết minh và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại mục 15 của thuyết minh. [↑](#footnote-ref-11)
12. Dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 19 của Thuyết minh. [↑](#footnote-ref-12)
13. Dự toán chi tiết theo nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của Thuyết minh. [↑](#footnote-ref-13)
14. Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng với tổng kinh phí của Khoản 3. [↑](#footnote-ref-14)
15. Dự toán chi tiết theo nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của Thuyết minh. [↑](#footnote-ref-15)
16. Định mức chi theo quy định tại mục 1.2 Phần II Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1002/QĐ-BCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. [↑](#footnote-ref-16)